

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trọng

Bà Huỳnh Thị Thuận

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Mai -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Lực - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2017/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2017, đối với bị cáo:

Đặng Văn T (tên gọi khác: N), giới tính: Nam, sinh năm 1993 tại Bệnh viện Bà Rịa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố S, phường H, thành phố R, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Chỗ ở: khu phố S, phường H, thành phố R, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Con ông: Đặng Văn S và bà Đoàn Thị P; Bị cáo là con đầu trong gia đình có hai anh em; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam ngày 19-6-2017. Bị cáo có mặt tại phiên toà

- Bị hại: Anh Nguyễn Tuấn P - sinh năm: 1990, “có mặt”

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Phước T -sinh năm: 1971, “vắng mặt”

Địa chỉ: Số 2 đường L, khu phố M, phường N, thành phố T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Người làm chứng:

1. Anh Võ Văn T - sinh năm: 1982, “vắng mặt”

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Anh Nguyễn Văn Q - sinh năm: 1983, “vắng mặt”

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. Anh Huỳnh Ngọc S - sinh năm: 1990, “vắng mặt”

Địa chỉ: 1820 đường A, khu phố M, phường N, thành phố T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 05-4-2017, Đặng Văn T, Võ Phạm Tuấn K, Võ Văn T và Nguyễn Văn Q cùng tổ chức uống bia tại nhà anh Nguyễn Tuấn P thuộc khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, K nhờ T về thành phố R để vay tiền dùm cho K, thấy xe mô tô hiệu Dream biển số 72F5-5078 của anh P để ngoài sân nên K nói anh P cho T mượn xe để đi công việc. Anh P đồng ý và giao chìa khóa xe cho T, T điều khiển xe về tới thành phố R thì nảy sinh ý định chiếm đoạt xe nên không quay lại trả cho anh P mà mang xe đi cất giấu, đến sáng ngày 06-4-2017 nhờ Nguyễn Ngọc S cầm giúp. S mang xe đến nhà anh Nguyễn Phước T ở số 2 đường L, khu phố M, phường N, thành phố T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cầm với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng). Sau đó, S đưa tiền lại cho T và T đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 17-4-2017, anh Nguyễn Phước T đã giao nộp chiếc xe mô tô biển số 72F5-5078 cho công an thị trấn Đ. (BL 23, 62-67).

Về vật chứng: Ngày 12-6-2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ đã trả lại chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Dream biển số 72F5-5078 cho anh Nguyễn Tấn P. Sau khi nhận lại xe, anh P không có yêu cầu gì thêm. (BL 24, 34, 35).

Tại kết luận định giá tài sản ngày 11-5-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đất Đỏ xác định: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, màu nâu, biển kiểm soát 72F5-5078, SM: C100ME-

0269652, SK: C100M-0269652 tại thời điểm bị chiếm đoạt giá là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số 19/QĐ-KSĐT ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Bị hại không có ý kiến gì về tội danh của bị cáo, ngày 12-6-2017 bị hại đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phước T yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Đặng Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam là ngày 19-6-2017.

- Về vật chứng đã xử lý xong nên không xem xét giải quyết.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại không có yêu cầu gì nên không xét đến. Tại cơ quan điều tra, anh T yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 1.000.000đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đất Đỏ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, tuy nhiên sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 191, 192 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đặng Văn T khai nhận: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 05-4-2017 tại nhà anh Nguyễn Tuấn P thuộc khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, sau khi được anh P cho mượn chiếc xe mô tô biển số 72F5-5078, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã đem cầm cho anh Nguyễn Phước T lấy số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

[4] Lời khai nhận của bị cáo T phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Xét thấy, bị cáo thực hiện hành vi thông qua việc mượn xe của bị hại để đi công việc nhưng sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã không đem trả lại cho bị hại mà đem đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài. Trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng). Như vậy đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự. Do đó có đủ căn cứ khẳng định bản cáo trạng số 19/QĐ-KSĐT ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ truy tố bị cáo T là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Anh Huỳnh Ngọc S và anh Nguyễn Phước T không biết xe do bị cáo chiếm đoạt của người khác nên không xem xét xử lý về hình sự đối với những người này là đúng quy định pháp luật. Đối với Võ Phạm Tuấn K đã đi khỏi địa phương chưa biết được nơi ở, hiện cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đất

Đỏ chưa làm việc được với K, do vậy chưa xem xét trách nhiệm của K trong vụ án này là phù hợp.

[6] Bị cáo hoàn toàn ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì tham lam tư lợi mà đã dẫn thân vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo đã gây tác động xấu đến xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất an ninh trật tự tại địa phương, làm mất lòng tin giữa người và người trong cuộc sống. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm mục đích giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, do vậy khi lượng cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ hình phạt một phần hình phạt cho bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xét đến.
- Về yêu cầu của anh T thấy rằng: Ngày 17-4-2017, anh Nguyễn Phước T đã giao nộp xe mô tô biển số 72F5-5078 để trả lại cho bị hại. Tuy nhiên, số tiền 1.000.000đ mà anh T bỏ ra để nhận cầm cố xe từ bị cáo đến nay bị cáo chưa trả lại cho anh T. Nay, tại phiên tòa bị cáo chấp nhận trả lại 1.000.000đ theo yêu cầu của anh T. Do đó, áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự để buộc bị cáo phải trả lại cho anh T số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

[10] Về vật chứng: Đã giải quyết xong.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét hiện bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh bị cáo có nhiều khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn T (tên gọi khác: N) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Đặng Văn T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ tạm giam là ngày 19-6-2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Đặng Văn T phải trả lại cho anh Nguyễn Phước T số tiền 1.000.000đồng (Một triệu đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Đặng Văn T phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- Sở tư pháp tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Công an huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung

